TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng;
2. Bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 62/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã T, thị xã D, tỉnh Ninh Bình (nay là phường D, tỉnh Ninh Bình. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa); địa chỉ tạm trú: Số C, Tổ A, Khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh). Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị L tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là phường D, tỉnh Ninh Bình) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 20/9/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân được khoảng 18 năm nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc

nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống.

Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 23/02/2007. Do con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn bà Phạm Thị L trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn T về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng nhau.

Nay, bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, bà L không đồng ý ly hôn vì vợ chồng chưa thỏa thuận được về tài sản là quyền sử dụng đất được một mình bà tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

- Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 23/02/2007. Do con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Qúa trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và cũng không nợ ai. Do đó, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T khởi kiện bà L yêu cầu ly hôn, bà L hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Số C, Tổ A, Khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T; bị đơn bà Phạm Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị L tự nguyện tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là phường D, tỉnh Ninh Bình) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 20/9/2005 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng ông T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà L. Bà L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, nhưng bà không đồng ý ly hôn vì hai bên chưa thỏa thuận được về tài sản riêng của bà được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà L không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án đã hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng ông T cương quyết không đồng ý đoàn tụ vì ông không còn tình cảm với bà L. Bà L thì cho rằng vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn, nhưng bà không đồng ý ly hôn vì hai bên chưa thỏa thuận được về tài sản tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, ý kiến của bà L không được ông T chấp nhận. Mặt khác, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 18 năm nay, không còn quân tâm, thương yêu chăm sóc nhau nữa. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông T về việc ly hôn với bà L.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 23/02/2007. Do con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T với bị đơn bà Phạm Thị L về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Phạm Thị L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 23/02/2007. Do con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003545 ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch Tuyết